

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/8/2022

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nông Thế Hạp.

2. Ông: Phương Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/7/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXHNGĐ - ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị V**, sinh năm 199x.

Nơi ĐKKHKT: Xóm L, xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. (Có mặt)

- Bị đơn: anh **Trình Văn K**, sinh năm 199x;

Nơi ĐKKHKT: Xóm L, xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/7/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Triệu Thị V trình bày: Năm 2016, sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh K tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng ngày 21/7/2016, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ

chồng hạnh phúc yêu thương chăm sóc nhau. Tuy nhiên, do quan điểm sống khác biệt, tình cảm vợ chồng ngày càng đi xuống, không yêu thương chăm sóc nhau nữa. Đặc biệt đến tháng 3 năm 2018 thì hai vợ chồng ly thân đến nay vì anh K nghiện ma túy, nhiều lần có hành vi vi phạm pháp luật. Hiện nay anh K đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Hiện nay giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Trình Văn K. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng có một con chung tên Trình Bảo N, sinh ngày 26/10/201x, hiện nay đang sống với chị V. Sau khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh K không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2022, bị đơn Trình Văn K xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị V trình bày là đúng. Hiện nay anh đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, thành phố Hà Nội. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Sau khi ly hôn anh K đề nghị giao con chung cho chị V nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với anh. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đang cai nghiện tập trung nên anh Khèn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

Chị V giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn anh K, sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị V được ly hôn anh Trình Văn K;
- Về con chung: Giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh K. Các bên có quyền thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn và thăm nom con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị V phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước. Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Trình Văn K có hộ khẩu thường trú và trước khi đi cai nghiện tập trung thì cư trú tại: Xóm L, xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Trình Văn K hiện nay đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02, thành phố Hà Nội không thể có mặt tại Tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Triệu Thị V yêu cầu ly hôn anh Trình Văn K, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Thị V và anh Trình Văn K tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 21/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị V và anh K là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh K nghiện ma túy, nhiều lần có hành vi vi phạm pháp luật. Hiện nay đang trong thời gian cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện ma túy. Từ đó hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 09/8/2022, anh K cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị V cùng nguyện vọng được nuôi con của chị. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng chị V, anh K ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị V và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị V và anh K có 01 con chung tên Trình Bảo N, sinh ngày 26/10/201x. Sau khi ly hôn, chị V có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh K đang trong thời gian cai nghiện tập trung, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, cháu N cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của cháu. Mặt khác anh K cũng nhất trí để chị V chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao cháu N cho chị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh K là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Thị V được ly hôn anh Trình Văn K.

2. *Về con chung*: Giao cháu Trình Bảo N, sinh ngày 26/10/201x cho chị Triệu Thị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trình Văn K.

Sau khi ly hôn, anh Trình Văn K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Triệu Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Triệu Thị V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trình Văn K có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Đàm Thủy
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

